

# **BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÂY NGUYÊN CỔ TRUYỀN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

ĐỖ HỒNG KỶ\*

## **I. Các xu hướng của văn hóa Tây Nguyên**

Vùng Tây Nguyên trước đây, cũng như hiện nay có những đặc thù riêng biệt. Cho đến trước Cách mạng tháng Tám (1945), thậm chí đến trước năm 1975, ở Tây Nguyên ngoài Đà Lạt, Buôn Ma Thuột và Plei Ku là dân số ở tập trung và khá đông đúc, còn lại, nhìn chung, Tây Nguyên dân cư rất thưa thớt. Dọc theo đường quốc lộ 14 từ Buôn Ma Thuột đến Plei Ku dài 186 km, chỉ có 4 cụm dân cư người Việt sinh sống là Đát Lý (nay là xã Hòa Thuận, ngoại ô Buôn Ma Thuột, cách Ngã Sáu khoảng 10 km) - Hà Lan (nay là xã Thống Nhất, huyện Krông Buk) - Buôn Hồ (nay là thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk) - Mỹ Thạch (nay là thị trấn Chư Sê, tỉnh Gia Lai). Còn đồng bào dân tộc sinh sống xa đường xã hội vận hành theo tập quán pháp, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng theo phong tục cổ truyền. Hiện nay, không gian địa lý và không gian xã hội ở vùng này đã thay đổi về căn bản. Tác động của phát triển kinh tế, mặt trái của cơ chế thị trường, sự gia tăng dân số, cư trú cận cư giữa người Tây Nguyên với người Việt, Tày, Mường, v.v. , ảnh hưởng của tôn giáo, văn hóa ngoại lai đã làm cho Tây Nguyên biến đổi, xáo trộn ghê gớm. Hiện nay, văn hóa Tây Nguyên có các xu hướng sau:

### **1. Xu hướng biến đổi, mai một**

Xu hướng phổ biến của văn hóa các tộc người sinh sống lâu đời ở Tây Nguyên là mai một, biến đổi. Trong đó, sự mai một, biến đổi diễn ra của các thành tố văn hóa vật thể nhanh hơn, nhiều hơn so với các thành tố văn hóa phi vật thể.

Ngôi nhà truyền thống của người Tây Nguyên đã mai một nhanh chóng, nhiều làng không còn ngôi nhà cổ nào, nhất là ở bộ phận tái định cư, lập nơi ở mới. Ở đây, nhà đồng bào được xây dựng theo kiểu của người Việt. Nhà nước khi thực hiện chương trình xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng khó khăn cũng theo kiểu cách mới. Việc bài trí trong nhà, nhiều dụng cụ gia đình, lối ăn ở, sinh hoạt của đồng bào đều ít nhiều theo người Việt. Bộ phận sinh sống ở thành phố, thị xã thì nhà cửa, trang thiết bị trong nhà được hiện đại tối đa. Về trang phục, trừ các ngày diễn ra nghi lễ, lễ hội có một số ít người già vận trang phục truyền thống, còn lại gần như sử dụng sản phẩm may mặc công nghiệp. Về ẩm thực, trừ việc uống rượu cần, món ăn trong các nghi lễ, lễ hội là theo cổ truyền, còn lại đã có thay đổi về cách chế biến món ăn, đồ uống, cách thức ăn uống cũng thay đổi theo hướng sử dụng đồ dùng công nghiệp. Xu hướng này ngày càng gia tăng.

Nghi lễ, lễ hội Tây Nguyên đang mai một, biến đổi rất nhanh. Nhìn chung, nghi lễ về vòng đời người vẫn tiến hành, nghi lễ liên quan đến sản xuất nương rẫy theo phương thức cổ truyền, trừ lễ cúng thần Lúa được thực hiện khá nguyên vẹn, còn lại diễn ra theo xu hướng đơn giản, gọn nhẹ. Lễ hội cũng mai một, biến đổi theo xu hướng này. Bên cạnh đó, lễ hội còn bị hướng vào xu hướng hiện đại hóa, thương mại hóa. Tình hình này của nghi lễ, lễ hội kéo theo sự mai một của tín ngưỡng bản địa. Sự xâm nhập của Kitô giáo đã làm cho người Tây Nguyên theo tín ngưỡng đa thần nay rẽ thành ba nhánh sau: a) Duy trì đa thần, tuy có bị mai một ít nhiều. b) Song thần (gồm Chúa và thần bản địa tối cao). c) Ngơ

---

\* PGS.TS. Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

ngác không biết gửi gắm niềm tin tôn giáo vào đẳng tột cao nào.

Nhìn chung, hát dân ca Tây Nguyên diễn ra theo hai xu hướng gần như trái ngược nhau: bảo tồn và loại bỏ. Chẳng hạn, người Ê Đê ở độ tuổi trung niên thì vẫn hát các làn điệu dân ca như kut, muynh, sử dụng chóc (lời hát khóc trong đám tang, lễ bỏ mả), còn thanh niên không hát dân ca, họ thích hát những ca khúc hiện đại được du nhập từ bên ngoài, nhất là các bài hát vui nhộn, khuây động.

Cồng chiêng Tây Nguyên gắn bó mật thiết với nghi lễ, lễ hội, với cuộc sống của cộng đồng. Do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho di sản này bị suy giảm và biến đổi. Sự biến đổi thể hiện ở việc làm cho tiết tấu âm thanh nhanh, gấp để tạo không khí sôi động (đối với chiêng Ê Đê), biến giai điệu (xưa) ngân nga, dãn trải sang gấp gáp, nhanh gọn (đối với chiêng Gia Rai). Xu hướng này được lớp trẻ ưa thích vì nó phù hợp với tâm lý, nhịp sống của họ.

Cồng chiêng Tây Nguyên bị mai một và biến đổi là do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, phương thức canh tác nương rẫy thay đổi. Hiện nay, khá đông đồng bào Tây Nguyên đã chuyển từ trồng lúa rẫy sang trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su, cây điều. Do vậy, các nghi lễ về cây trồng, đặc biệt là cây lúa không còn được tiến hành nữa. Gắn liền với việc này là niềm tin về thần linh của đồng bào bị lu mờ.

Thứ hai, hạt nhân của nghi lễ, lễ hội là thầy cúng đã thưa thớt, vắng bóng đi nhiều trong các buôn làng Tây Nguyên. Thêm vào đó, đồng bào theo đạo Tin lành đã đoạn tuyệt với văn hóa cổ truyền, trong đó có cồng chiêng.

Thứ ba, mối quan hệ chặt chẽ của nhiều gia đình, dòng họ người Tây Nguyên đã bị lỏng lẻo. Trước đây, cồng chiêng, nhất là cồng chiêng quý là vật thiêng của chung dòng họ, được truyền từ đời này qua người khác. Bây giờ, có hiện tượng các thành viên đòi quyền lợi vật chất của đồ gia bảo này. Vì thế

dẫn đến việc bán bộ cồng chiêng quý để lấy tiền chia nhau.

Hiện nay, diễn xướng sử thi trong các buôn làng Tây Nguyên đã giảm đi rất nhiều, nếu như không nói là gần như không còn nữa. Một ngày kia ở buôn làng Tây Nguyên không còn diễn xướng sử thi nữa sẽ là thực tế hoàn toàn có thể diễn ra. Nếu chúng ta không có những giải pháp đồng bộ thì sử thi “sống” ở Tây Nguyên tất yếu sẽ theo con đường “một đi không trở lại” như nhiều hiện tượng sử thi khác trên thế giới. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này ở phần sau.

Việc diễn xướng sử thi ở Tây Nguyên bị mai một nhanh chóng, có nhiều nguyên nhân. Có thể nêu ra đây một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, trước đây, đồng bào Tây Nguyên sản xuất theo mùa vụ, nguồn lợi thiên nhiên còn dồi dào. Họ có nhiều thời gian để thăm hỏi, tụ tập bên nhau để ăn uống, trò chuyện, trao đổi công việc gia đình, dòng họ và buôn làng. Đó là môi trường thuận lợi để nghệ nhân sử thi Tây Nguyên hát kể cho cộng đồng nghe. Theo đó, những người muốn học hỏi klei khan, ot ndong có môi trường để nuôi dưỡng lòng đam mê học hỏi hát kể sử thi của mình. Bây giờ môi trường này không còn như trước đây nữa.

Thứ hai, các nghệ nhân sử thi đích thực đã lần lượt trở về lòng đất, một vài người còn sống đã già yếu, không đủ sức để hát kể sử thi nữa. Còn công chúng hiện nay, nhất là thế hệ trẻ không thích sử thi, bởi vì nhận thức – thẩm mỹ của họ, một mặt đã theo chiều hướng xã hội hiện đại, mặt khác do không hiểu sử thi nên họ không thích.

Thứ ba, một bộ phận khá đông đồng bào Tây Nguyên theo Công giáo, nhất là Tin lành đã không còn hát kể, cũng như không còn nghe sử thi nữa. Đây thật sự là lãnh địa làm tiêu vong di sản văn hóa quý giá, cội nguồn lịch sử của người Tây Nguyên, cho dù đó là “lịch sử” đó được thông qua tư duy thần thoại.

Luật tục Tây Nguyên so với các di sản phi vật thể khác ít bị mai một hơn. Nó có một số

biến đổi để phù hợp với cuộc sống mới. Xu hướng biến đổi của luật tục là đơn giản, gọn nhẹ hơn so với tập tục cổ truyền. Chẳng hạn, ở người Ê Đê trước đây “lấy cắp một phải đền ba”, hiện nay, khi phân xử, người xử kiện có tính đến hoàn cảnh kinh tế của người phạm tội để đưa ra quyết định thế nào cho vừa có lý vừa có tình. Trong nhiều trường hợp, việc xét xử nhằm mục đích răn đe, giáo dục hơn là áp dụng hình phạt. Trước đây ai gây ra mâu thuẫn, xích mích sẽ bị phạt bằng của cải, hiện nay chỉ làm cúng và có chén rượu cùng uống để hòa giải là sự việc xong xuôi.

## **2. Bảo tồn, khôi phục văn hóa truyền thống, kết hợp giữa truyền thống với hiện đại**

Đồng bào Tây Nguyên bảo tồn các yếu tố cơ bản, hạt nhân tạo nên hình thái xã hội cổ truyền. Chẳng hạn, ở người Ê Đê, các tập tục như nhà gái đi hỏi chồng, đàn ông đến ở nhà vợ, con cái sinh ra theo dòng mẹ vẫn được duy trì như trước đây. Vai trò chủ gia đình của người phụ nữ Ê Đê có bị suy giảm, nhưng xã hội Ê Đê, hiện nay vẫn là xã hội mẫu quyền. Khi tiếp xúc với thế giới hiện đại người Tây Nguyên bị choáng ngợp, nhưng rồi họ cũng nhận ra ở đó có nhiều cái không phù hợp, thuận lợi với thói quen cố hữu của mình. Do vậy, nhiều gia đình đồng bào bên cạnh nhà xây, bài trí theo cách thức hiện đại, còn làm thêm ngôi nhà truyền thống để giúp cho việc sinh hoạt được thuận lợi. Một số gia đình khá giả đã bỏ ra một số tiền lớn để mua công chiêng. Một số nơi nghề dệt thổ được phục hồi, phát triển. Váy, khố, áo, mền được dệt theo kiểu dáng, màu sắc thẩm mỹ truyền thống. Vào các ngày lễ của dân tộc, đất nước đồng bào đem ra sử dụng (riêng đàn ông không còn đóng khố, trừ thầy cúng khi hành lễ) làm cho buôn làng mang bóng dáng của buôn làng xưa.

Ở một số buôn làng Tây Nguyên, người già và trung niên tập trung hát dân ca. Nhiều lời dân ca bị lãng quên nay được khơi dậy trong tâm hồn họ vốn từ lâu không tắt, không

tan. Rồi những người này học thuộc lời nói vần để có thêm vốn từ để hát dân ca.

Các giá trị văn hóa Tây Nguyên truyền thống được khôi phục là nhờ tác động “nội lực” và “ngoại lực”. Ở một số buôn làng, đồng bào tự tổ chức các lớp học đánh công chiêng, có nơi thành lập đội công chiêng để phục vụ khách tham quan, tham gia giao lưu ngày hội công chiêng do ngành văn hóa tổ chức. Nhiều buôn làng khác được Nhà nước và các tổ chức văn hóa ngoài nước tài trợ kinh phí, ngành văn hóa mở nhiều lớp truyền dạy đánh công chiêng cho lớp trẻ.

Khi tham gia vào việc bảo tồn, khôi phục văn hóa truyền thống, những người thực hiện có xu hướng dựa trên nền tảng truyền thống để cải biên sao cho phù hợp với cuộc sống hiện đại, mà không làm mất bản sắc văn hóa tộc người. Tham gia vào việc này có các nghệ nhân dân tộc và các nghệ sĩ chuyên nghiệp, đặc biệt là các nghệ sĩ ở lĩnh vực múa và âm nhạc.

## **3. Xu hướng giao lưu và ảnh hưởng, hội nhập và thích ứng văn hóa**

Giao lưu và ảnh hưởng văn hóa giữa các dân tộc là hệ quả tất yếu của hội nhập. Ở Tây Nguyên, đời sống văn hóa của cư dân bản địa chịu ảnh hưởng của văn hóa Việt khá đậm nét, còn các tộc người thiểu số phía Bắc sinh sống ở đây ít chịu ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài.

Về nhà cửa, ăn uống, trang phục, sinh hoạt của đồng bào Tây Nguyên chịu ảnh hưởng khá mạnh của văn hóa từ bên ngoài, nhất là văn hóa Việt. Trước đây, đồng bào chỉ uống rượu cần, bây giờ bên cạnh rượu cần còn có bia, rượu trắng và các loại nước ngọt. Trang phục, nếp sinh hoạt của họ cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng cách ăn mặc, nhịp sống của xã hội mới. Trong đám cưới, đám tang, ở người Tây Nguyên đã xuất hiện văn hóa phong bì. Đồng bào đã tiếp nhận một số hành vi tín ngưỡng của văn hóa người Việt vào đời sống tâm linh của mình. Đa số gia đình người Ê Đê khi chôn cất người chết xong, họ cũng làm bàn thờ thờ người mất. Trên bàn thờ để ảnh người quá cố để hương, hoa quả. Đồng bào cũng

làm giỗ theo chu kỳ một năm cho người chết. Họ thờ đến khi nào thấy nổi nhớ thương người quá cố ngơ ngoai đi thì thôi. Trong đám tang của đồng bào, người Việt và người Tày, Nùng đến chia buồn và cùng uống rượu cần. Một số người Việt, thường là các doanh nhân giàu có sao chép, mô phỏng điều khắc kiến trúc nhà rông, nhà sàn dài để phục vụ cho mục đích kinh doanh. Cũng có thể coi là giao lưu ảnh hưởng văn hóa giữa người Việt và người Tây Nguyên bản địa.

Sự giao lưu giữa các luồng văn hóa thể hiện rõ nhất ở bộ phận đồng bào theo đạo Công giáo. Khi trong cộng đồng giáo dân tổ chức đám cưới, họ vẫn uống rượu cần và đánh chiêng. Ở người Ê Đê theo Công giáo, khi trong làng có người chết, bên cạnh nghi lễ Thiên chúa giáo là chính, đồng bào vẫn sử dụng kèn đing năm để thể hiện nỗi buồn, niềm thương tiếc của người sống đối với người chết. Rượu cần được đặt ra cho mọi người cùng uống. Gia đình nào có chiêng vẫn diễn tấu bình thường.

Cồng chiêng đã xuất hiện trong một số nhà thờ ở Tây Nguyên. Ở Buôn Tring (thị xã Buôn Hồ) có 50 hộ gia đình theo Công giáo. Vào chủ nhật hằng tuần, nhiều giáo dân trong trang phục truyền thống đến nhà thờ Buôn Hồ để dự lễ thánh. Họ chăm chỉ lắng nghe Cha xứ đọc và giảng Kinh Thánh. Cha xứ cầu nguyện Đức Chúa Trời (họ gọi là Aê Diê) trong sự ngưỡng vọng của các giáo dân. Ở đây cũng cần nói cho rõ là ở người Ê Đê theo Công giáo do quan niệm Aê Du, Aê Diê - thần bản địa - đã sáng tạo ra con người, muôn vật và Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh đã tạo dựng vũ trụ và loài người nên trong đời sống tâm linh của họ có sự chuyển hóa các khái niệm này. Sự giao lưu ảnh hưởng, chuyển hóa này tạo nên sự phức tạp, khó khăn cho người nghiên cứu khi tìm hiểu vấn đề này.

Bây giờ đến các vùng hẻo lánh ở Tây Nguyên, chúng ta không còn thấy mấy dấu vết văn hóa cổ truyền của họ. Nhà ở mới được xây dựng theo kiểu nhà người Việt. Già,

trẻ, đàn ông, đàn bà mặc quần áo kiêu mới do các cơ sở may công nghiệp sản xuất, họ đều không quần khăn, đội mũ lá như trước đây, đội mũ lưỡi trai, mũ vải tai bèo. Các gia đình giàu có tổ chức đám cưới cho con cái ở nhà hàng, khách sạn. Hình thức trang trí ở đám cưới y hệt như người Việt. Ở nhiều nơi, khi Tết Nguyên Đán đến, đồng bào nấu bánh chưng, mua kẹo, mứt, hạt dưa để đón Tết.

Bên cạnh việc tiếp thu các yếu tố văn hóa người Việt và một số yếu tố văn hóa nước ngoài, các tộc người Tây Nguyên bản địa còn tiếp thu, hội nhập lẫn nhau. Một số bài chiêng có xuất xứ từ người Bih qua người Ê Đê và Mơ Nông. Múa (xoang) vốn có ở các tộc người sinh sống ở Bắc Tây Nguyên, bây giờ đã xuất hiện ở tộc người Ê Đê, Mơ Nông sinh sống ở Đăk Nông và Đăk Lắk, v.v.

Trong bối cảnh hiện nay, việc giao lưu và ảnh hưởng, hội nhập và thích ứng văn hóa là tất yếu. Tuy nhiên cũng cần ghi nhận công sức của nghệ nhân dân gian, ngành văn hóa, các nghệ sĩ tâm huyết với nền văn hóa này. Họ rất cố gắng trong việc làm cho giá trị văn hóa Tây Nguyên thích ứng, hòa nhập với điều kiện của xã hội mới. Sự thích ứng, hòa nhập này chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực diễn tấu cồng chiêng, hát và múa dân gian.

Ở các điểm du lịch, các đội cồng chiêng được thành lập để phục vụ khách tham quan. Cồng chiêng được diễn tấu trong các đêm lửa trại của thanh thiếu niên địa phương, các cuộc họp, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế tổ chức trên địa bàn Tây Nguyên.

Một số nhạc cụ như rlet (Mơ Nông), đing năm (Ê Đê) uôn chỉ được diễn tấu trong làng khi có đám tang, ở các khu mộ địa khi tổ chức bỏ mả. Hát eirei ở người Ê Đê cũng vậy. Trước đây, nếu trong buôn làng không có ma chay mà ai sử dụng làn điệu dân ca này là phạm điều cấm kỵ. Cồng chiêng cũng chỉ được diễn tấu khi tổ chức nghi lễ, lễ hội. Không một ai dám đánh cồng chiêng khi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân làng không thực hành các nghi lễ cầu cúng thần linh. Hiện nay, diễn tấu cồng chiêng, đing năm,

rlet, hát eirei, v.v. đã vượt ra khỏi không gian thiêng của đồng bào để có mặt trên sân khấu hiện đại, trong các festival âm nhạc trong nước và quốc tế. Nhiều tiết mục do các nghệ nhân dân tộc trình diễn đã gây được ấn tượng mạnh đối với Ban tổ chức và người tham dự. Một số tiết mục đã được giải thưởng cao của Ban tổ chức.

Các xu hướng của văn hóa Tây Nguyên diễn ra chủ yếu ở cộng đồng của các cư dân bản địa. Còn người Việt, Mường, Tày, v.v. sinh sống ở vùng đất này tình hình cũng diễn ra như vậy nhưng không đậm nét, trừ bộ phận theo đạo Công giáo và Tin lành.

## **II. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại**

Chưa bao giờ văn hóa Tây Nguyên cổ truyền phải chịu nhiều tác động như trong khoảng hai thập kỉ trở lại đây. Diện tích rừng bị thu hẹp, người Việt và đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc đến Tây Nguyên làm ăn sinh sống ngày một đông, thị trấn, thị xã, đường giao thông qua vùng đồng bào bản địa sinh sống được mở rộng, tác động của văn hóa Việt, tôn giáo, nhất là đạo Tin lành đã làm cho văn hóa của cư dân bản địa mai một, xáo trộn, biến đổi sâu sắc. Người Việt, người Tày, Nùng, v.v. tuy là các dân tộc có bản lĩnh văn hóa, nhưng không phải là văn hóa cổ truyền của họ, không chịu những thách thức, khó khăn trong bối cảnh hội nhập.

Văn hóa là những giá trị tinh thần cơ bản nhất, sâu xa nhất của một dân tộc. Văn hóa dân gian (hay văn hóa cổ truyền) là cội nguồn - "văn hóa mẹ" (theo cách nói của nhà thơ Huy Cận), tạo nên bản sắc, sức sống dân tộc. Hiện nay, các di sản văn hóa cổ truyền đang bị mai một, biến đổi. Chúng ta cần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đó trong xã hội mới, góp phần vào việc phát triển bền vững Tây Nguyên.

Việc bảo tồn các yếu tố văn hóa nào cần phải được lựa chọn, cân nhắc kỹ càng. Các giá trị văn hóa được lựa chọn phải là các giá trị biểu hiện cốt cách, linh hồn dân tộc, tinh thần tự tôn tộc người có giá trị thắt chặt mối

quan hệ cộng đồng, giúp cho việc ứng xử của con người với con người, của con người với môi trường thật thân thiện, hài hòa.

Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong cuộc sống liên quan mật thiết với nhau, cái này là tiền đề của cái kia và ngược lại. Chỉ khi nào tinh hoa văn hóa cổ truyền được phát huy trong cuộc sống đương đại thì việc bảo tồn mới lâu bền. Bảo tồn là cơ sở của việc phát huy, ngược lại, phát huy giúp cho việc bảo tồn được tốt hơn, lâu bền hơn. Do vậy, cần xử lí hài hòa mối quan hệ giữa phát huy và bảo tồn. Thực hiện được công việc này cũng phải có sự kết hợp giữa các nhà nghiên cứu, nghệ nhân, đặc biệt là cả hệ thống chính trị, các cơ quan chức năng từ trung ương đến địa phương.

### **1. Văn hóa Tây Nguyên bản địa**

#### **1.1. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể**

Nhà rông của người Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai, nhà sàn dài của người Ê Đê là các di sản phi vật thể quý giá. Chúng vừa tiện lợi cho việc sinh hoạt văn hóa của gia đình, dòng họ (nhà dài Ê Đê), plei (làng) Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai vừa có giá trị thẩm mỹ cao. Đặc biệt, nhà rông, nhà dài biểu hiện tập trung nhất không gian văn hóa, tín ngưỡng của người Tây Nguyên. Chúng ta cần bảo tồn các yếu tố văn hóa phi vật thể này trong khả năng có thể. Chẳng hạn, ở người Ê Đê, khi xây dựng nhà - dù đó là nguyên liệu công nghiệp - cần giữ được hai không gian (phần gah và ôk), như ngôi nhà dài truyền thống. Như thế, một mặt rất tiện cho việc sinh hoạt theo thói quen của đồng bào, mặt khác, lưu giữ lại được di ảnh của ngôi nhà dài cổ truyền trong các thế hệ người Ê Đê.

Nhà rông Ba Na, Xơ Đăng là biểu tượng của văn hóa Tây Nguyên. Sau khi cúng bèn nước, cúng giải hạn cho dân làng khỏi bị dịch bệnh, đồng bào đều đến tụ tập trong nhà rông. Nghi lễ, lễ hội, hát dân ca, múa (xoang), diễn tấu công chiêng và nhiều sinh hoạt cộng đồng khác đều diễn ra ở đây. Cần bảo tồn các hình thức sinh hoạt này. Tuy nhiên, không thể duy

trì y nguyên như trong xã hội cổ truyền mà phải tiến hành thực hiện sao cho phù hợp với cuộc sống hiện đại. Dù thế nào cũng cố gắng bảo tồn nhà rông ở phương diện kiến trúc, trang trí và cả trên phương diện văn hóa, xã hội.

Các giá trị văn hóa vật thể ở Tây Nguyên cũng nằm trong quy luật biến đổi, mai một nhanh hơn các giá trị phi vật thể. Nhìn chung, các dân tộc có nền văn minh thấp, khi tiếp xúc với các nền văn minh ở trình độ cao hơn sẽ bị choáng ngợp, thán phục nên hay bắt chước. Suy cho cùng sự gần gũi, âm cúng, thân thiện với tự nhiên như nếp nhà, cách ăn mặc mới lâu bền. Do vậy, dù trong hoàn cảnh nào, chúng ta cũng cần phải lưu giữ những yếu tố - dù là hình thức - thật gần gũi với tự nhiên, với văn hóa tộc người. Đó cũng là một cách bảo tồn văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại với rất nhiều biến động.

## **1.2. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể**

### *1.2.1. Ngôn ngữ*

Ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên, là phương tiện quan trọng nhất trong văn hóa phi vật thể của mỗi dân tộc. Ngôn ngữ là phương tiện của tư duy, đồng thời cũng là phương tiện thể hiện cảm xúc, thẩm mỹ của con người trước thế giới khách quan.

Trước đây, kho tàng ngôn ngữ của đồng bào Tây Nguyên chỉ bao quát các sự vật, hiện tượng trong không gian địa lý, không gian xã hội và không gian văn hóa của họ. Xã hội Tây Nguyên ngày càng phát triển, nhất là trong xu thế hội nhập hiện nay, bên cạnh kho tàng ngôn ngữ của mình, đồng bào còn tiếp thu lớp từ ngữ mới về kinh tế, khoa học, chính trị như “ủy ban”, “tăng trưởng”, “máy công nghiệp”, v.v. Lớp từ ngữ này góp phần nâng cao trình độ văn minh cho đồng bào. Còn tiếng mẹ đẻ của họ mới là linh hồn, là bản sắc văn hóa tộc người. Một dân tộc mà mất tiếng mẹ đẻ thì “linh hồn” của dân tộc đó không còn nữa, đồng thời làm nghèo đi bức tranh văn hóa nhân loại. Để bảo tồn ngôn ngữ dân tộc thiểu số Tây Nguyên, cần phải dạy tiếng mẹ đẻ

trong nhà trường một cách bài bản. Các thí dụ dẫn chứng minh họa cần chọn các câu thành ngữ, tục ngữ, dân ca để các em bước đầu cảm nhận được tư tưởng, tình cảm của dân tộc mình, để từ đó yêu tiếng mẹ đẻ của mình hơn, thiết tha, trân trọng hơn đối với các di sản văn hóa này.

Bảo tồn ngôn ngữ, cũng là bảo tồn văn hóa Tây Nguyên còn phải chú ý đến cách đặt tên địa danh của đồng bào. Người Tây Nguyên khi đặt tên địa danh thường gửi gắm tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng của mình vào đó. Người Ê Đê đặt tên không buk (dòng sông tóc) là nói về truyện tình cảm động của hai chị em ruột và chàng trai con Thần Nước, chư kuăng là chỉ một ngọn núi có nhiều đàn vượn sinh sống; người Mơ Nông đặt tên bon Mprăng là theo tên cây mprăng - một loại cây có thần thiện trú ngụ, thần này thường mang lại hạnh phúc, bình yên cho con người. Trong thực tế, nhất là thời gian gần đây, người ta đã Việt hóa nhiều tên địa danh ở vùng đồng bào sinh sống. Làm như vậy, chúng ta đã vô tình làm mất đi tâm thức cảm quan của người Tây Nguyên, cũng là đồng thời làm mai một văn hóa của họ.

Việc giữ gìn kho từ vựng các tộc người Tây Nguyên có giá trị to lớn trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa của họ. Muốn duy trì bản sắc văn hóa của tộc người Tây Nguyên nhằm bảo đảm tính đa dạng văn hóa của đất nước, chúng ta cần duy trì và phát triển tiếng mẹ đẻ của họ.

### *1.2.2. Tôn giáo, tín ngưỡng*

Như đã nói, các cư dân Tây Nguyên bản địa theo tín ngưỡng đa thần. Hiện nay, tình hình đã đổi khác. Nhìn đại thể, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Tây Nguyên có thể chia thành các bộ phận sau: bộ phận canh tác nương rẫy theo cách thức cổ truyền vẫn theo tín ngưỡng đa thần, tuy niềm tin có giảm sút; bộ phận chuyển trồng lúa trên rẫy sang trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su, hạt điều, v.v. thì đời sống tâm linh bị khủng hoảng, họ thường ngưỡng vọng tới linh hồn ông bà, tổ tiên. Bộ phận theo Công giáo,

Tin lành có đời sống tâm linh cân bằng, ổn định. Họ có đức tin vào Đức Chúa. Các vị thần bản địa tối cao cùng xuất hiện song hành với hình ảnh Chúa trong tâm thức họ.

Trong thời gian qua, ngành văn hóa đã rất chú trọng đến việc bảo tồn các giá trị văn hóa Tây Nguyên cổ truyền, đồng thời xây dựng “làng văn hóa” theo các tiêu chí mới. Nhiều chương trình, dự án được triển khai đều đặn, thường xuyên. Thế nhưng, chúng ta không chú ý mấy đến sự biến đổi, chuyển hóa của niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng trong tâm thức đồng bào Tây Nguyên. Nếu có đề cập đến vấn đề này thì nhiều người lại có cái nhìn thiên về góc độ mê tín, dị đoan. Trong khi đáng lẽ ra chúng ta phải nghiên cứu “ảo tưởng thần thoại” như một niềm tin có thật, thì chúng ta lại nhìn nhận vấn đề này bằng con mắt của người vô thần nên không nắm bắt được bản chất của sự vật. Và như vậy, chúng ta chỉ dừng ở bề ngoài, không biết được những lo âu, trăn trở, hi vọng cũng như đức tin của người Tây Nguyên.

Tôn giáo, tín ngưỡng bao giờ cũng là vấn đề phức tạp. Tình hình tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Nguyên hiện nay là hướng theo nhiều hướng khác nhau, sự chuyển biến của chúng, trừ đạo Tin lành, còn lại đan xen, chằng chéo vào nhau. Nhận diện được diện mạo tôn giáo, tín ngưỡng, nhất là sự chuyển hóa của chúng thì mới có thể nói tới việc bảo tồn cái gì trong các bộ phận cụ thể. Đây là công việc khó khăn, nằm ngoài khả năng của chúng tôi. Tuy nhiên, có một điểm chung thỏa mãn đời sống tâm linh của người Tây Nguyên, đó là các vị thần sáng tạo nên quê hương, đất nước, các nhân vật huyền thoại trong sử thi. Cần sử dụng một số hình ảnh này thành các biểu tượng dân tộc. Nhờ đó, rất có thể các thế hệ người Tây Nguyên dù theo tôn giáo nào cũng vẫn nhớ về cội nguồn dân tộc mình.

### 1.2.3. Sử thi

Sử thi Tây Nguyên có giá trị về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị tiêu biểu của sử thi trong xã hội

hiện đại sẽ giúp ích rất nhiều cho việc phát triển bền vững tộc người.

Sử thi Tây Nguyên đằng sau màn sương huyền thoại là một hiện thực lịch sử, hay ít ra cũng là bóng dáng, là tia hồi quang lịch sử. Vì vậy nên Êđê, Mơ Nông, Ba Na coi homon ot ndrong, klei khan là lịch sử của tộc người mình. Hơn thế nữa, đó là “cái quá khứ tuyệt đối” (chữ dùng của Goto). Hiện nay, khi gặp thanh thiếu nhi con em đồng bào hồi lịch sử của cha ông họ được nói tới trong di sản văn hóa truyền thống nào phần lớn đều ngơ ngác, lắc đầu. Trong khi đó, các em học sinh các trường dân tộc nội trú ở các tỉnh Tây Nguyên đều cho rằng lịch sử của tộc người họ là được nói tới trong sử thi. Qua đây cho thấy việc tuyên truyền phổ cập các giá trị sử thi trong thế hệ trẻ con em đồng bào là chưa đáp ứng yêu cầu.

Sử thi Tây Nguyên bên cạnh giá trị lịch sử, còn chứa đựng nhiều nội dung về luân lý, đạo đức, trách nhiệm của mỗi thành viên đối với gia đình, dòng họ, và rộng hơn nữa, cao hơn nữa là vận mệnh của cộng đồng. Các nhân vật anh hùng trong sử thi, dường như là con người hoàn thiện, hoàn mỹ trong tâm thức cộng đồng. Để bảo tồn và phát huy các giá trị tiêu biểu của sử thi Tây Nguyên trong đời sống cộng đồng, cần xây dựng các nhân vật anh hùng trong sử thi thành các biểu tượng dân tộc. Con đường ngắn nhất để đưa các biểu tượng này vào đời sống cộng đồng là ở dạng chân dung. Hình hài, gương mặt, chân dung biểu tượng cần được xây dựng nên từ cơ sở nhận thức – thẩm mỹ của chủ nhân kho tàng sử thi, chứ nhất quyết không phải là sản phẩm tưởng tượng của bất cứ một họa sĩ nào, cho dù đó là của họa sĩ tài năng nhất. Dĩ nhiên các nhân vật được chọn làm biểu tượng phải là nhân vật tiêu biểu nhất trong kho tàng sử thi của mỗi tộc người. Có thể đó là nhân vật Dăm Săn, Kinh Du, Xing Nhã (Ê Đê), Tiăng, Lêng (Mơ Nông), Dăm Noi (Ba Na), v.v. Các biểu tượng này không đơn giản chỉ là hình ảnh cụ thể - cảm tính mà sẽ còn chứa đựng sức mạnh tiềm năng lan tỏa trong cộng đồng. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền giáo dục

phổ cập trong các thể hệ người Tây Nguyên các nội dung sau:

- Duy trì ý niệm về cội nguồn dân tộc trong các thể hệ người Tây Nguyên bản địa rằng "khởi nguyên" của dân tộc họ là do sáng tạo đầu tiên của các nhân vật huyền thoại sử thi và các thần linh bản địa, chứ không phải được tạo dựng nhờ Chúa như trong Kinh Thánh đã nói, sự biết ơn các nhân vật khai thiên lập địa, công lao to lớn của họ đối với cộng đồng.

- Giáo dục lí tưởng vì cộng đồng (khát vọng vì gia đình, dòng họ, buôn làng của nhân vật sử thi, sự hi sinh, phấn đấu không mệt mỏi của họ vì sự giàu có, yên lành của cộng đồng) trong các thể hệ người Tây Nguyên.

- Trách nhiệm, nghĩa vụ đối với cộng đồng, tính ràng buộc, trách nhiệm và bổn phận của các thành viên đối với gia đình, dòng họ, buôn làng.

#### 1.2.4. Công chiêng và nghi lễ, lễ hội

Các tộc người Tây Nguyên bản địa có các lễ hội tiêu biểu là lễ "ăn trâu", lễ cúng bến nước và lễ bỏ mả. Không gian lễ hội truyền thống là không gian thiêng. Thời gian diễn ra lễ hội là thời gian gặp mặt, sum họp cộng đồng. Tổ chức lễ hội một cách khoa học, cũng tức là ghi đậm dấu ấn tâm linh và thắt chặt mối quan hệ cộng đồng, tạo nên sức mạnh đoàn kết trong các buôn làng Tây Nguyên.

Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay nếu tổ chức lễ hội theo cách cổ truyền thì vừa không thực tế vừa không hợp lí. Chúng ta cần lĩnh hội linh hồn của lễ hội và hướng tinh thần cơ bản đó vào đời sống văn hóa cộng đồng hơn là giúp kinh phí để tạo dựng lễ hội một cách hình thức, phong trào.

Công chiêng Tây Nguyên hấp dẫn và lôi cuốn mạnh mẽ người Tây Nguyên trước hết là do âm thanh biểu đạt tâm hồn dân tộc họ. Âm thanh tiếng chiêng Ê Đê âm vang, ngân dài; tiếng chiêng Mơ Nông mang âm hưởng trầm hùng, dàn trải; còn tiếng chiêng Gia Rai trong trẻo, thanh thoát. Các tín hiệu âm thanh này phù hợp với tâm lý của mỗi tộc người là chủ

nhân của công chiêng. Do vậy, mỗi khi có tiếng chiêng là người Tây Nguyên bồn chồn, băng khuâng, náo nức. Tuy vậy, cũng như ngữ âm trong ngôn ngữ, đó chỉ là cái vỏ âm thanh, còn ý nghĩa từ vựng của ngôn ngữ, nội dung tín ngưỡng của công chiêng mới là quan trọng, mới là bản chất của sự vật. Trong nghi lễ, lễ hội, cùng thầy cúng, công chiêng là linh hồn, là phương tiện để con người giao tiếp với thần linh. Nội dung gửi tới thần linh là cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, con người khỏe mạnh. Tiếng chiêng là lời "chào mời", tiếng các thành viên trong cộng đồng tập trung, sum họp để chia vui và cùng nhau lo liệu công việc nào đó của gia đình, dòng họ, buôn làng.

Hiện nay, nền tảng của diễn xướng công chiêng Tây Nguyên đã thay đổi nhiều. Việc khôi phục, phát triển công chiêng thành nếp sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng như trước đây là không thực tế, không khoa học. Theo chúng tôi, việc bảo tồn văn hóa công chiêng, một mặt, duy trì sinh hoạt công chiêng trong các nghi lễ, lễ hội còn lại (phần nhiều đã đơn giản hóa tới mức tối đa, chẳng hạn như lễ cúng bến nước, lễ bỏ mả) trong đời sống đồng bào, mặt khác mở rộng không gian diễn tấu công chiêng, chú trọng tổ chức văn nghệ của loại hình nghệ thuật đặc biệt này. Khi diễn tấu chiêng cần kết hợp cùng với các điệu múa dân tộc cho hoạt động văn hóa này thêm sôi động, hấp dẫn.

#### 1.2.5. Luật tục

Về mặt thiết chế, xã hội Tây Nguyên vận hành được là nhờ luật tục. Vai trò của luật tục giữ ổn định xã hội, dòng họ, gia đình, nó còn nhắc nhở con người có cách ứng xử cân đối, hài hòa đối với môi trường. Tác dụng của luật tục là góp phần làm cho người Tây Nguyên có đức tính quý báu như thẳng thắn, trung thực, tôn trọng công bằng, lễ phải. Đó là những yếu tố rất cần thiết cho công cuộc xây dựng nếp sống mới hiện nay. Các giá trị cần được bảo tồn của luật tục Tây Nguyên trong cuộc sống hiện đại là: tâm lí tôn trọng tôn ti trật tự xã hội, trách nhiệm, bổn phận của mỗi

thành viên đối với gia đình, dòng họ, buôn làng; các thuần phong mỹ tục như tôn trọng người già, kính trên nhường dưới, bảo vệ nguồn nước trong sạch, v.v. Đó là nhân tố quan trọng có thể giúp người Tây Nguyên không bị tha hóa vì tác động bởi mặt trái của kinh tế thị trường.

## 2. Văn hóa người Việt

Người Việt ở Tây Nguyên nhờ bản lĩnh văn hóa nên vẫn giữ được bản sắc văn hóa cốt lõi nhất của dân tộc mình. Chúng tôi cho rằng để văn hóa Việt có điều kiện tồn tại lâu bền, chúng ta cần bảo tồn và xây dựng thêm các di sản văn hóa sau:

- Phổ biến nội dung trong các thể hệ người Việt ở Tây Nguyên thông qua các biểu tượng như biểu tượng về giống nòi “con Rồng cháu Tiên” – Lạc Long Quân; anh hùng chống ngoại xâm như Phù Đổng Thiên Vương, cả bài học cảnh giác qua cái chết đau đớn, oán hận của cha con An Dương Vương; nguồn gốc phong tục ngày Tết qua “Sự tích bánh chưng, bánh dày”, v.v

- Phổ biến các điệu hát dân ca tiêu biểu của văn hóa Việt ở ba miền Bắc – Trung – Nam như hát Quan Họ, hò sông Mã, hát Giặm, hò Huế, v.v. Khi tổ chức liên hoan hát dân ca vùng Tây Nguyên cần thiết đưa cả các tiết mục dân ca của người Việt vào chương trình chứ không chỉ riêng dân ca các tộc người thiểu số như lâu nay ngành văn hóa vẫn làm.

## 3. Văn hóa các tộc người thiểu số phía Bắc

Các dân tộc người thiểu số phía Bắc như Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, v.v. vào làm ăn sinh sống ở Tây Nguyên đã mang theo nhiều giá trị văn hóa làm phong phú, đa dạng thêm sắc màu văn hóa của vùng đất này. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sẽ làm đa dạng văn hóa Tây Nguyên, và quan trọng hơn nó góp phần vào việc phát triển bền vững cộng đồng. Công này, theo chúng tôi cần tiến hành như sau:

- Ở cộng đồng sống tập trung thành làng như làng Mường ở xã Hòa Thắng (Buôn Ma Thuột), một số thôn ở xã Chư Êwi, huyện Cư

Kuin (Đắk Lắk), xây dựng đền, đình, miếu để các hoạt động tín ngưỡng được diễn ra thường xuyên. Đây là hình thức mang dấu ấn tâm linh sâu đậm nhất.

- Lễ hội Lồng tồng với các trò như chơi đu, ném còn, đi cà kheo tạo nên không gian văn hóa hấp dẫn, sinh động. Tổ chức tốt, thường xuyên lễ hội và các trò chơi dân gian này sẽ lưu giữ được các giá trị văn hóa của người

Tày ở Tây Nguyên, đồng thời làm cho bức tranh văn hóa tộc người ở đây thêm nhiều màu sắc.

- Tuy không phổ biến nhưng người Tày, Nùng và Mường đã mang theo hai di sản văn hóa nổi tiếng của tộc người, họ là then và mo. Gạt sang một bên yếu tố mê tín của các hình thức văn hóa này, đó là các giá trị văn hóa cô đọng, sâu sắc. Cần mở rộng hình thức sinh hoạt then, mo trong cộng đồng Tày, Mường. Đây là các hình thức văn hóa tín ngưỡng biểu hiện rõ nhất trong tư tưởng, tình cảm, đời sống tâm linh của các tộc người này.

- Mở rộng hát dân ca như then, lượn, sli (Tày, Nùng), thường rang, bộ mệng (Mường), các trò chơi dân gian như kéo co, đấu vật, đi cà kheo.

Nếu ngành văn hóa các tỉnh Tây Nguyên tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện tốt cho các hoạt động văn hóa kể trên thì ở Tây Nguyên sẽ có thêm không gian văn hóa Tày và không gian văn hóa Mường. Kết quả này trước hết góp phần vào việc phát huy sức mạnh văn hóa cổ truyền trong cuộc sống đương đại của người Tày, Mường, đồng thời làm phong phú thêm kho tàng văn hóa ở Tây Nguyên.

Việc bảo tồn và phát huy các tinh hoa văn hóa Việt, Tày, Mường và các tộc người thiểu số phía Bắc khác sinh sống ở Tây Nguyên có đặc thù riêng. Bởi vậy, các ý kiến của chúng tôi chưa hẳn là đã phù hợp với thực tế chung. Một số ý kiến ở đây chưa dựa trên cơ sở khảo sát thực địa mà thông qua tư liệu gián tiếp. Dù sao chúng tôi vẫn hy vọng các ý kiến đó ít nhiều phản ánh đúng nhu cầu của cuộc sống đặt ra.